



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**
 Chuyên ngành: **Quan hệ công chúng và truyền thông**
 Mã số ngành: **7320108**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			46	46	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
3	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
4	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			6	6	0	0	0	0	
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
2	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
2	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			6	6	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			9	9	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
3	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	3	3					
Phần tự chọn			3	3	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 6 học phần)	3						
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ		3					
2	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông		3					
3	PSY201	Tâm lý học đại cương		3					
4	SOS206	Mỹ học đại cương		3					
5	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
6	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
II. CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	62	0	10	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			22	21	0	1	0	0	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
Bắt buộc			22	21	0	1	0	0	
1	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
2	PUR303	Nhập môn PR	2	2					
3	PUR304	Nhập môn truyền thông đại chúng	3	3					
4	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
5	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2	2					
6	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	3					
7	PUR308	Điều tra xã hội học	3	3					
8	PUR309	Logic học và tư duy phản biện	2	2					
9	MAN201	Quản trị học	3	3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			45	35	0	4	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			33	29	0	4	0	0	
1	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng	3	3					PUR303
2	PUR423	Báo in và trực tuyến	2	2					
3	PUR420	Tổ chức sự kiện và lễ hội	3	3					PUR303
4	PUR421	Pháp luật truyền thông	2	2					LAW101
5	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2	2					
6	PUR489	Viết bài PR và thông cáo báo chí	2	2					PUR303 PUR408
7	PUR444	Phóng vấn và trả lời phỏng vấn	2	2					PUR304
8	PUR425	Viết và biên tập tin	2	2					
9	MAR403	Quảng cáo	2	2					
10	PUR440	Truyền thông số	2	2					
11	PUR446	Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình	2	2					
12	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	3	3					PUR304
13	PUR424	Xử lý ảnh	2	2					
14	PUR417	Thực tập cơ sở PR	4			4			
II.2b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		(Chọn 3 trong 6 học phần)	6						
1	PUR428	Văn hóa doanh nghiệp	6	2					
2	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông		2					
3	PUR430	Thể hiện ý tưởng		2					
4	PUR431	Nhiếp ảnh - Quay phim		2					
5	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức		2					
6	PUR433	Các thể loại báo chí		2					
II.3. Phần bổ trợ tự do			6	6	0	0	0	0	
		(Chọn 3 trong 6 học phần)	6						
1	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	6	2					
2	PUR435	Kỹ năng thuyết trình		2					
3	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ		2					
4	PUR437	Nghịệp vụ ngoại giao		2					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
5	PUR438	Kỹ năng giao tiếp		2					PUR303, PUR305
6	PUR443	Tiếp thị sự kiện		2					
II.4. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	PUR520	Thực tập tốt nghiệp PR	5			5			
2	PUR521	Khóa luận tốt nghiệp PR	12					12	
		<i>(Các học phần thay thế KLTN)</i>	12						
1	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	3					
2	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	3	3					
3	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	3	3					
4	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3					
III. CÁC HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG